TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 577/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Khanh

2. Ông Lê Tấn Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Ngọc Bảo T, sinh năm: 1999

Địa chỉ thường trú: xã HTH, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt theo đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 30/6/2023)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Tuấn K, sinh năm: 1996

Địa chỉ thường trú: Phường L, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện nay: Trại giam U, huyện YK, tỉnh Bình Thuận.

(vắng mặt theo đơn yêu cầu vắng mặt ngày 30/6/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 31/01/2023, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phan Ngọc Bảo T trình bày: Bà và Ông Phạm Văn Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2021 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 139, đăng ký ngày 12/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã HTH, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian ngắn. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cãi, không hòa thuận do ông K không có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Bên cạnh đó,

ông K còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Đầu năm 2022, do ông K vi phạm pháp luật nên phải đi chấp hành án theo Bản án số 11/2022/HS-ST ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 129/2022/HSPT-QĐ ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó, ông K phải đi chấp hành án phạt tù với thời gian là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng. Hiện nay ông K đang chấp hành án tại Đội 26BK7 Trại giam U, huyện YK, tỉnh Bình Thuận.

Nay bà T xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Ngọc Bảo T yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Tuấn K.

- Về con chung: Bà Trâm trình bày trong thời gian chung sống, ông bà có 01 con chung tên Phạm Phan Thành N (nam) sinh ngày 28/01/2021, bà Trâm yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T khai không có.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/6/2023, ông Phạm Văn Tuấn K trình bày: Ông và bà T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2020. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến tháng 5/2021, ông đi chấp hành án, án phạt 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung như bà T đã trình bày, ông K đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Phạm Văn Tuấn K, tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông K; Về con chung: Giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có; Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 139, đăng ký ngày 12/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã HTH, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Phan Ngọc Bảo T và ông Phạm Văn Tuấn K có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T có đơn xin ly hôn với ông K cư ngụ tại Quận A,

Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà T thì nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh tranh cãi, không hòa thuận, ông K không có trách nhiệm trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Bên cạnh đó, ông K còn có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Do ông K vi phạm pháp luật nên hiện nay ông đang chấp hành án tại Đội 26BK7 Trại giam U, huyện YK, tỉnh Bình Thuận.

Theo lời trình bày của ông K thì trong quá trình chung sống ông bà không có mâu thuẫn gì lớn, hiện nay ông đang chấp hành án tại Trại giam U, huyện YK, tỉnh Bình Thuận, thời gian chấp hành án là 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù, bà T yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Cả bà Phan Ngọc Bảo T và ông Phạm Văn Tuấn K đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…" nhưng theo lời trình bày của bà T và ông K thì giữa bà T và ông K trong quá trình chung sống cũng đã phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay ông bà đã không còn chung sống, cũng không còn tình cảm với nhau và cùng đồng ý ly hôn, cả hai đã không còn sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông K là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, bà T và ông K có 01 con chung tên Phạm Phan Thành N (nam) sinh ngày 28/01/2021, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Trong biên bản lấy lời khai, ông K đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, vì đang chấp hành án nên ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy ý kiến của hai bên đã thống nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Phan Ngọc Bảo T nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Ngọc Bảo T được ly hôn với ông Phạm Văn Tuấn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139, đăng ký ngày 12/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã HTH, huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông K có 01 con chung tên Phạm Phan Thành N (nam) sinh ngày 28/01/2021, giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông K không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn Tuấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở. Bà Phan Ngọc Bảo T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông K đến thăm nom chăm sóc con chung.

Trường hợp ông K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông K.

Trường hợp thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ, hai bên phải thông báo cho nhau biết. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Về tài sản chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Phan Ngọc Bảo T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0012938 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã HTH, huyện V, Tp Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hồng Nga